

Bản án số:17/2018/DS-ST

Ngày 07/12/2018

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Tỉnh.

2. Ông Trần Vi Tình.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2018/TLST-DS ngày 19/7/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn L - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án. Ủy quyền lại cho bà Đoàn Thị Như H - Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai theo văn bản ủy quyền số 01/2018/NHNoKCR - UQ ngày 10/7/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 19/7/2018, người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N là bà Đoàn Thị Như H trình bày:

Ngày 28/10/2005 ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T ký kết Hợp đồng tín dụng số 100501.12/HĐTD với Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai để vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 1,3%/tháng (tương đương 15,6%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận là 1,95%/tháng (23,4%/năm). Lãi suất điều chỉnh tăng kể từ ngày 29/10/2006 là 1,35%/tháng (16,2%/năm), lãi suất nợ quá hạn 2,025%/tháng (24,3%/năm). Thời hạn cho vay là 12 tháng (từ ngày 28/10/2005 đến 28/10/2006); Mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng nông sản. Hộ ông Trần Mạnh H đã trả được 9.989.833đ tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 100501.12/HĐTD ngày 28/10/2005 và giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, nợ lãi mà hai bên ký kết thì ông H, bà T phải trả toàn bộ khoản nợ đã vay vào ngày 28/10/2007.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T tại thửa đất số 693b, tờ bản đồ số 15 ở thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD244272 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/10/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 100501.12/TC ngày 28/10/2005.

Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai đã đến làm việc với hộ vay rất nhiều lần và hộ vay viết cam kết sẽ có trách nhiệm trả nợ cả gốc và lãi nhưng vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 10/7/2018 tổng số tiền ông H và bà T còn nợ Ngân hàng N là 207.707.500đ (Hai trăm lẻ bảy triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng); tiền nợ lãi là 152.707.500đ (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đoàn Thị Như H yêu cầu ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc là 55.000.000đ và nợ lãi đến ngày xét xử (07/12/2018) là 158.276.250đ (lãi trong hạn 308 ngày là 7.623.000đ; lãi quá hạn từ ngày 29/10/2007 là 150.653.250đ); Tổng cộng: 213.276.250 đồng (Hai trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trường hợp ông H, bà T không trả số nợ trên yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 100501.12/TC ngày 28/10/2005.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T không đến tòa tham gia tố tụng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/10/2018 và ngày 02/11/2018 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Bản pho to); 01 quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014 do Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án (Bản pho to); 01 Giấy ủy quyền số 01/2018/NHNoKCR-UQ ngày 10/7/2018 về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; 01 Hợp đồng tín dụng số 100501.12/HĐTD ngày 28/10/2005 (Bản sao chứng thực); 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 100501.12/TC ngày 28/10/2005 (Bản sao chứng thực); 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 28/10/2005 (Bản sao chứng thực); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD244272 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/10/2005 (Bản sao chứng thực); 01 quyết định về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Bản sao chứng thực); 01 Giấy phép xây dựng số 170/GPXD (Bản sao chứng thực); 01 sơ đồ nhà của ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T (Bản pho to); 01 văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng (Bản sao chứng thực); 01 Giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, nợ lãi ngày 28/10/2006 (Bản pho to); 05 biên bản làm việc (Bản pho to); 06 Giấy cam kết; 03 bản kê tính lãi tiền vay (Bản pho to); 01 Chứng minh nhân dân (Bản sao chứng thực) bà Đoàn Thị Như H; 01 bản tự khai của bà Đoàn Thị Như H.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 300; Điều 303; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất tiền vay, thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai. Trường hợp ông H, bà T không trả số nợ trên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 100501.12/TC ngày 28/10/2005.

Về án phí: Buộc ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T trú tại thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai .

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông H, bà T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vụ án.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T có vay vốn của Ngân hàng N số tiền là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 1,3%/tháng (tương đương 15,6%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận là 1,95%/tháng (23,4%/năm). Lãi suất điều chỉnh tăng kể từ ngày 29/10/2006 là 1,35%/tháng (16,2%/năm), lãi suất nợ quá hạn 2,025%/tháng (24,3%/năm). Thời hạn cho vay là 12 tháng (từ ngày 28/10/2005 đến 28/10/2006); Mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng nông sản. Đến ngày 28/10/2006 được gia hạn nợ, ông H và bà T phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vào ngày 28/10/2007. Nhưng ông H và bà T đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng, số tiền nợ gốc 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) quá hạn từ ngày 29/10/2007.

Xét về hợp đồng tín dụng giữa các bên được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Hợp đồng giữa Ngân hàng N và ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông H, bà T phải trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H, bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là 55.000.000 đ và nợ lãi đến ngày xét xử là 158.276.250đ (lãi trong hạn là 7.623.000đ; lãi quá hạn từ ngày 29/10/2007 đến ngày 07/12/2018 là 150.653.250đ); tổng cộng: 213.276.250đ (Hai trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn là nếu ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T không thanh toán được khoản nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 100501.12/TC ngày 28/10/2005. Hội đồng xét xử xét thấy việc thế chấp tài sản để vay vốn giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 100501.12/TC ngày 28/10/2005 là có cơ sở.

Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai cho ông H vay tiền để kinh doanh hàng nông sản, trong đó ông H đứng tên chủ hộ, mục đích vay là để phục vụ cuộc sống chung của gia đình nên bà Trần Thị Thu T phải có nghĩa vụ cùng với ông H trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới trả số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng nói trên.

3. Về án phí: Ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 299; Điều 300; Điều 303; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai: 213.276.250đ (Hai trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng); nợ lãi là 158.276.250đ (Một trăm năm mươi tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với số tiền lãi và lãi suất quá

hạn phát sinh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 100501.12/TC ngày 28/10/2005. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ở thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (thửa đất số 693b, tờ bản đồ số 15) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD244272 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/10/2005.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì buộc ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn lại và lãi suất phát sinh.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Mạnh H, bà Trần Thị Thu T phải liên đới nộp 10.663.812đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí 5.192.688đ (Năm triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004290 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/12/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Yến Ngọc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Vi Tình

2. Ông Trần Xuân Tỉnh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: /2018/TLST-DS ngày 19/7/2018 về việc “ Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Lực - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K Đông Gia Lai theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án. Ủy

quyền lại cho bà Đoàn Thị Như H - Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K Đông Gia Lai theo văn bản ủy quyền số 01/2018/NHNoKCR - UQ ngày 10/7/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về quan hệ pháp luật:

Đây là quan hệ pháp luật dân sự, tranh chấp về “ Hợp đồng tín dụng” .

Kết quả biểu quyết 3/3 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ 100%.

2/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 173; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ 100%.

3/ Quyết định của Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của.

Buộc ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng N thông qua chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K Đông Gia Lai số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và nợ lãi suất là 158.276.250 đồng. Tổng cộng là 213.276.250 đồng (Hai trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kết quả biểu quyết 3/3 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ 100%.

4/ Những vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án:

Buộc ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.663.812đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm mười hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí 5.192.688đ (Năm triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng) theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004290 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự

Tuyên quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thi hành án

Kết quả biểu quyết 3/3 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 12 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Yến Ngọc